

Số: ~~HG~~ QĐ-ĐHKTCN

Thái Nguyên, ngày ~~19~~ tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp trợ cấp xã hội cho sinh viên hệ Đại học chính quy tập trung dài hạn
Học kỳ I năm học 2018 – 2019
(Từ tháng 7/2018 đến tháng 12/2018)

**HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**

Căn cứ nghị định số 31/CP ngày 4/4/1994 của chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư 08/2014/TT-BGD & ĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 10 năm 2015 về việc ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ vào quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 về Học bổng và Trợ cấp xã hội đối với HSSV các trường đào tạo Công lập;

Căn cứ quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 về điều chỉnh mức HBCS và TCXH đối với HSSV là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại QĐ số 1121/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ vào biên bản số: 168/BB-HSSV ngày 08/11/2018 về việc xét miễn, giảm học phí và trợ cấp xã hội cho sinh viên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác HSSV và Trưởng phòng KH-TC.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp xã hội học kỳ I năm 2018 – 2019 cho 57 sinh viên (có danh sách kèm theo).

Trợ cấp 140.000đ/01tháng/01SV đối với sinh viên là dân tộc vùng cao(DT-VC):

$$\begin{array}{lcl} 5 \text{ SV} \times 140.000\text{đ} \times 5 \text{ tháng} & = & 3.500.000\text{đ} \\ 46 \text{ SV} \times 140.000\text{đ} \times 6 \text{ tháng} & = & 38.640.000\text{đ} \end{array}$$

Trợ cấp 100.000đ/01tháng/01SV đối với sinh viên là con mồ côi (CMC) :

$$\begin{array}{lcl} 2 \text{ SV} \times 100.000\text{đ} \times 5 \text{ tháng} & = & 1.000.000\text{đ} \\ 4 \text{ SV} \times 100.000\text{đ} \times 6 \text{ tháng} & = & 2.400.000\text{đ} \end{array}$$

Cộng: **45.540.000đ**

Số tiền bằng chữ: **Bốn mươi năm triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng.**

Điều 2. Các ông Trưởng phòng Công tác HSSV, Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính, đơn vị có liên quan và những SV thuộc đối tượng ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, CTHSSV.



PGS.TS. Nguyễn Duy Cường



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC TRỢ CẤP XÃ HỘI

HỌC KỲ I NĂM HỌC 2018-2019

(Kèm theo QĐ số: 116 /ĐH-KTCN ngày tháng năm 2018)

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Mức TC/ 01 tháng	số tháng	Thành tiền
1	K145520103037	Lâm Văn Mai	K50CCM.01	DT-VC	140.000	6	840.000
2	K145520103129	Vàng Láo Tả	K50CCM.02	DT-VC	140.000	6	840.000
3	K145520103203	Hoàng Ngọc Sơn	K50CCM.03	DT-VC	140.000	6	840.000
4	K145520103213	Nông Thắm Tuấn	K50CCM.03	DT-VC	140.000	6	840.000
5	K145520103240	Hoàng Văn Dương	K50CCM.04	DT-VC	140.000	6	840.000
6	K155520103036	Hoàng Văn Linh	K51CCM.01	DT-VC	140.000	6	840.000
7	K155520103199	Triệu Văn Thực	K51CCM.03	DT-VC	140.000	6	840.000
8	K155520103239	Luân Văn Hùng	K51CCM.04	DT-VC	140.000	6	840.000
9	K175520103138	Châu Văn Thụy	K53KC.03	DT-VC	140.000	6	840.000
10	K185520103238	Thào A Chồng	K54KC.02	DT-VC	140.000	5	700.000
11	K185520103219	Nông Ngọc Tuấn	K54KC.04	DT-VC	140.000	5	700.000
12	K145520201004	Hoàng Văn Điệp	K50KTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000
13	K145520201011	Lý Văn Cường	K50KTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000
14	K145520201031	Trần Thị Khánh Hòa	K50KTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000
15	K145520201132	Nguy Văn Phương	K50KTĐ.02	DT-VC	140.000	6	840.000
16	K145520216130	Tàng Văn Thịnh	K50TĐH.02	DT-VC	140.000	6	840.000
17	K155520201008	Nông Văn Điền	K51KTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000
18	K155520216046	Lương Văn Sơn	K51TĐH.01	DT-VC	140.000	6	840.000
19	K155520216071	Chu Thị ánh	K51TĐH.02	DT-VC	140.000	6	840.000
20	K155520216184	Lâm Thị Thao	K51TĐH.03	DT-VC	140.000	6	840.000
21	K155520216197	Nông Đình Tường	K51TĐH.03	DT-VC	140.000	6	840.000
22	K155520216241	Đỗ Hữu Quang	K51TĐH.04	DT-VC	140.000	6	840.000
23	K155520216243	Trần Văn Quỳnh	K51TĐH.04	DT-VC	140.000	6	840.000
24	K165520216211	Triệu Đức Mạnh	K52ĐKT.04	DT-VC	140.000	6	840.000
25	K165520216212	Trần Công Minh	K52TĐH.04	DT-VC	140.000	6	840.000
26	K175520201197	Lò Văn Sơn	K53HTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000
27	K175520201224	Vàng Go Po	K53KTĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000
28	K175520201156	Lâm Vĩnh Doanh	K53KTĐ.03	DT-VC	140.000	6	840.000
29	K175520201171	Vũ Ngọc Hoan	K53TBĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000
30	K175520201228	Triệu Quang Linh	K53TBĐ.01	DT-VC	140.000	6	840.000
31	K175520216043	Lữ Văn Sơn	K53TĐH.01	DT-VC	140.000	6	840.000
32	K185520201138	Đặng Thị Miên	K54ĐĐT.02	DT-VC	140.000	5	700.000
33	K145520207022	Hoàng Văn Lộc	K50ĐVT.01	DT-VC	140.000	6	840.000
34	K145520207004	Nông Thị Chang	K50KĐT.01	DT-VC	140.000	6	840.000
35	K145520207080	Diệp Thị Nụ	K50KĐT.01	DT-VC	140.000	6	840.000
36	K155520114123	Hứa Tiên Tiến	K51CĐT.02	DT-VC	140.000	6	840.000
37	K165520207030	Lâm Văn Thế	K52ĐVT.01	DT-VC	140.000	6	840.000
38	K175520114203	Nguyễn Phương Vũ	K53CĐT.01	DT-VC	140.000	6	840.000
39	K175520207026	Hoàng Thị Thùy	K53ĐTT.01	DT-VC	140.000	6	840.000

40	K155510601004	Triệu Thị	Quyển	K51KTN.01	DT-VC	140.000	6	840.000
41	K145520103272	Viên Văn	Nhượng	K50CĐL.01	DT-VC	140.000	6	840.000
42	K145520103209	Lý Văn	Tú	K50CĐL.02	DT-VC	140.000	6	840.000
43	K145905228012	Hoàng Minh	Thắng	K50CĐL.01	DT-VC	140.000	6	840.000
44	K155520103100	Hoàng Văn	Hung	K51CĐL.01	DT-VC	140.000	6	840.000
45	K175510205009	Đặng Văn	Đức	K53CN-KTO.01	DT-VC	140.000	6	840.000
46	K175510205081	Cử Mí	Lùng	K53CN-KTO.02	DT-VC	140.000	6	840.000
47	K175510205090	Bùi Văn	Quyết	K53CN-KTO.02	DT-VC	140.000	6	840.000
48	K185510205053	Nông Thành	Đạt	K54CN-KTO.02	DT-VC	140.000	5	700.000
49	K165510301010	Nguyễn Văn	Gia	K52CN-ĐĐT.01	DT-VC	140.000	6	840.000
50	K175510202007	Phạm Phúc	Phong	K53CN-CTM.01	DT-VC	140.000	6	840.000
51	K185510301027	Lý Xê	Phạ	K54CN-ĐĐT.01	DT-VC	140.000	5	700.000
52	K175520103141	Hà Minh	Tuấn	K53KC.03	MOCOI	100.000	6	600.000
53	K155520216222	Chu Văn	Hòa	K51TĐH.04	MOCOI	100.000	6	600.000
54	K155520216259	Đỗ Văn	Tuân	K51TĐH.04	MOCOI	100.000	6	600.000
55	K185520201104	Phạm Quốc	Huy	K54ĐĐT.01	MOCOI	100.000	5	500.000
56	K165520114012	Trần Văn	Dương	K52CĐT.01	MOCOI	100.000	6	600.000
57	K185520114210	Lê Thanh	Tùng	K54CĐT.04	MOCOI	100.000	5	500.000
CỘNG								45.540.000

Bảng chữ: Bốn mươi năm triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng./.

NGƯỜI LẬP

PHÒNG CTHSSV

PHÒNG KH - TC

HIỆU TRƯỞNG









Lê Thị Kim Ngân

ThS. Nguyễn Tiến Dũng

TS. Đoàn Quang Thiệu

PGS.TS. Nguyễn Duy Cường